TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày 26 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Dương và ông Nguyễn Ngọc Vinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn D; sinh ngày 20 tháng 02 năm 1999; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1969 và bà Phan Thị N, sinh năm 1968; chưa có vợ, con; về nhân thân: Ngày 31/10/2024, bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, kể từ ngày 22/02/2025 cho đến nay. Theo lệch trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Nhà thờ giáo xứ N

Người đại diện: Ông Đoàn Song H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Anh Trần Xuân S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Phù N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Những người làm chứng:

- Anh Trần Quốc Thành Y, sinh năm 2003; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Anh Trần Minh T, sinh năm 2004; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản từ trước nên vào khoảng 23 giờ, ngày 21/02/2025, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô BKS 73E1-224.35 đi từ xã Q, huyện Q đến Nhà thờ giáo xứ N, thuộc phường Q, thị xã B, rồi dựng xe cách hàng rào phía sau nhà thờ khoảng 30 mét, D trèo qua tường rào đi vào bên trong khuôn viên nhà thờ. Trên đường đi, D nhặt một que thép buộc dài khoảng 50cm ở trên mặt sân rồi đột nhập vào bên trong nhà thờ. D đi đến khu vực làm lễ thì thấy một chiếc camera giám sát lắp đặt trên thành tầng 2 lễ đường, hướng camera quay về vị trí két sắt, D lấy một chiếc khăn vải ở gần đó, quấn che camera lại. Tiếp đó, D đi đến vị trí két sắt, dùng que thép buộc nhặt được trước đó uốn một đầu thành hình móc câu rồi nghiêng két sắt về một bên, D luồn que thép buộc vào khe hở phía trên đầu của két sắt, kéo móc tiền từ trong két sắt ra ngoài được số tiền 4.080.000 đồng. Sau khi D vừa trộm cắp được số tiền trên thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, hô hoán nên D bỏ chạy. Quá trình bỏ chạy, D bị Công an phường Q và quần chúng nhân dân bắt giữ và thu lại được số tiền vừa chiếm đoạt cất ở túi quần sau bên trái. Tại Công văn số 82/NHNN-QT-KTNQ ngày 24/02/2025 của Ngân hàng N - Chi nhánh Quảng Trạch, xác định số tiền 4.080.000 đồng thu giữ trong quá trình bắt quả tang Phạm Văn D là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã thu giữ trong quá trình bắt quả tang số tiền 4.080.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 73E1-224.35 màu xám, số khung 092025, số máy 092030; thu giữ từ ông Nguyễn Song H 01 chiếc khăn vải, mặt khăn có họa tiết hình vuông nhiều màu khác nhau, chiều dài 33cm, chiều rộng 23cm, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, xác định xe mô tô BKS 73E1-224.35 là tài sản của anh Trần Xuân S nên Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho anh S; trả lại số tiền 4.080.000 đồng cho Nhà thờ giáo xứ N. Đối với que

thép buộc dài khoản 50cm, D khai nhận dùng để làm công cụ phạm tội, quá trình bỏ chạy, D đã vứt ở cánh đồng cạnh hàng rào sau nhà thờ, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không phát hiện, thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, đại diện Nhà thờ giáo xứ N, ông Đoàn Song H đã nhận lại số tiền 4.080.000 đồng từ Cơ quan điều tra và không yêu cầu D bồi thường thiệt hại gì thêm về mặt dân sự

Tại bản Cáo trạng số 14/CT - VKSBĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc khăn vải, mặt khăn có họa tiết hình vuông nhiều màu khác nhau, chiều dài 33cm, chiều rộng 23 cm, đã qua sử dụng

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự để nộp ngân sách nhà nước

Tại phiên Tòa bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tham gia tranh luận thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có điều kiện trở về giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu

nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, Phạm Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố đối với bị cáo. Như vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định vào khoảng 23 giờ, ngày 21/02/2025, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô BKS 73E1-224.35 đi từ xã Q, huyện Q đến Nhà thờ giáo xứ N, thuộc phường Q, thị xã B, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tiền) là 4.080.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 31/10/2024, bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đòng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" nhưng bị cáo không tự rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó cho thấy bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật, sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo, nhằm đảm bảo tính răn đe của pháp luật

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo Phạm Văn D ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện lại bản thân để trở thành người công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Liên quan trong vụ án có anh Trần Xuân S và anh Trần L (anh S là anh trai của Trần L), anh S đã cho Trần L mượn xe để làm phương tiện đi lại, sau đó Lâm cho D mượn xe để đi chơi nhưng anh S và anh L không biết D dùng xe mô tô nói trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên chỉ nhắc nhở, giáo dục chung đối với anh S và anh là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Việc thu giữ và trả lại vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra là theo đúng quy định của pháp luật. Đối với 01 chiếc khăn vải, mặt khăn có họa tiết hình vuông nhiều màu khác nhau, chiều dài 33cm, chiều rộng 23cm, đã qua sử dụng hiện không còn giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy là phù hợp

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại ông Đoàn Song H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là số tiền 4.080.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra không yêu cầu bị cáo Phạm Văn D bồi thường thêm về dân sự nên không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo Phạm Văn D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản"

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (22/02/2025)

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Quyết định tạm giam bị cáo tại phiên toà để đảm bảo công tác thi hành án

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc khăn vải, đã qua sử dụng hiện không còn giá trị sử dụng (Vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Quảng Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B vào ngày 29/4/2025).

4. Về án phí: Xử buộc bị cáo Phạm Văn D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/5/2025 (đối với những người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (đối với những người vắng mặt).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Trại giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà